

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07/02/2024

*“v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chát

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Thảo và ông Phạm Công Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 468/2023/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2023 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 giữa:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị H, sinh năm 1987; HKTT: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu dân cư Đ, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Ma Cao. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người được nguyên đơn ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Chị Vũ Thị C, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

2. ***Bị đơn:*** Anh Trần Văn T, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Văn M, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Khu dân cư Đ, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

- Bà Trần Thị P, sinh năm 1948; Nơi cư trú: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C (nay là phường V, thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 11/12/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống và bất đồng trong vấn đề làm ăn kinh tế nên hay xảy ra cãi nhau. Năm 2019, chị đi xuất khẩu lao động tại Ma Cao. Thời gian đầu, vợ chồng chị vẫn thường xuyên liên lạc với nhau. Sau đó mỗi lần gọi điện đều xảy ra cãi vã nên từ đó chị và anh T không liên lạc với nhau nữa. Mặc dù mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được gia đình hai bên can thiệp, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Trần Thị Kiều N, sinh ngày 11/12/2006 và Trần Quốc H1, sinh ngày 18/3/2009. Khi ly hôn, chị có quan điểm muốn được nuôi dưỡng cả 02 con chung. Tuy nhiên, do các cháu đều đã trên 7 tuổi nên chị đề nghị Tòa án hỏi quan điểm của các cháu. Nếu các cháu có nguyện vọng ở cùng anh T thì chị cũng đồng ý. Nếu được nuôi con, chị đề nghị Tòa án tạm giao các cháu cho ông ngoại là Trần Văn M chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị không có mặt ở Việt Nam. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị. Nếu anh T nuôi con, chị sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, bà Dương Thị S trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Trần Văn T. Chị H và anh T kết hôn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, hai anh chị chuyển ra ngoài sống riêng. Quá trình chung sống, chị H và anh T đã xảy ra những mâu thuẫn gì thì bà không nắm được. Khoảng năm 2018, chị H nói với anh T là sẽ đi Ma Cao làm việc. Từ đó, hai anh chị không gặp gỡ, không liên lạc với nhau nữa. Hiện nay anh T đang lao động bất hợp pháp tại Trung Quốc. Từ khi đi anh T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Sau khi nhận được các văn bản của Tòa án, gia đình bà đã thông tin lại cho anh T biết. Quan điểm của anh T là do vợ chồng không còn tình cảm nên chị H làm đơn xin ly hôn, anh T đồng ý. Về con chung: Anh T xin được nuôi cháu Trần Quốc H1 và giao cháu Trần Thị Kiều N cho chị H nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Trong thời gian ở nước ngoài, anh T nhờ bà Trần Thị P chăm sóc cháu H1 cho đến khi anh T về Việt Nam. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không

đề nghị Tòa án giải quyết. Do điều kiện ở xa nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Tại Biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị P trình bày: Bà là cô ruột của anh Trần Văn T. Bà đồng ý chăm sóc cháu Trần Quốc H1 trong thời gian anh T không có mặt ở Việt Nam và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

Tại Biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn M trình bày: Ông là bố đẻ của chị Trần Thị H. Cháu Trần Thị Kiều N có nguyện vọng muốn được ở cùng chị H nên ông đồng ý chăm sóc cháu N cho đến khi chị H về Việt Nam.

Tại Biên bản xác minh, UBND phường V, thành phố C cung cấp: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C (nay là phường V, thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 11/12/2006. Quá trình chung sống, chị H và anh T đã xảy ra những mâu thuẫn gì thì địa phương không nắm được. Cách đây khoảng 5 năm, chị H và anh T cùng đi lao động tại nước ngoài. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản xác minh, Công an phường V cung cấp: Anh Trần Văn T có hộ khẩu thường trú tại khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Hiện nay anh T không có mặt tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H ly hôn anh Trần Văn T. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Thị Kiều N, sinh ngày 11/12/2006; giao cho anh Trần Văn T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Quốc H1, sinh ngày 18/3/2009 kể từ khi ly hôn cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Tạm giao cháu N cho ông Trần Văn M chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm giao cháu H1 cho bà Trần Thị P chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị H và anh T không có mặt tại Việt Nam. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Trần Thị H hiện đang sinh sống tại Ma Cao, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Bị đơn anh Trần Văn T có hộ khẩu thường trú tại khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị Hậu cung c địa chỉ của anh T tại khu dân cư K, phường V, thành phố C. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến làm việc nhưng anh T đều vắng mặt. Theo bà Dương Thị S (là mẹ đẻ anh T) trình bày anh T hiện đang lao động bất hợp pháp tại Trung Quốc, địa chỉ cụ thể bà không biết nên không cung cấp cho Tòa án được. Tại Công văn số 927/QLNXC-P3 ngày 15/01/2024 của Cục Q – Bộ C1 cung cấp: “*Trường hợp Trần Văn T, sinh ngày 16/01/198, địa chỉ: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương, hiện chưa có thông tin xuất nhập cảnh*”. Như vậy, không có căn cứ xác định anh T hiện đang ở nước ngoài. Tòa án vẫn xác định địa chỉ cư trú của anh T là tại khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Do không làm việc được trực tiếp với anh T nên Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho bà S để bà S thông tin lại cho anh T biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh T đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, có đơn và quan điểm xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C (nay là phường V, thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 11/12/2006 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Năm 2019, chị H đi xuất khẩu lao động tại Ma Cao. Còn anh T, theo gia đình trình bày thì đang lao động tại Trung Quốc. Từ năm 2019 đến nay,

vợ chồng mỗi người sống một nơi, không còn liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay chị H và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn, anh T đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn T có 02 con chung là Trần Thị Kiều N, sinh ngày 11/12/2006 và Trần Quốc H1, sinh ngày 18/3/2009. Hiện nay cháu N đang ở cùng ông ngoại là Trần Văn M. Cháu H1 đang ở cùng bà Trần Thị P (là cô ruột của anh T). Sau khi ly hôn, chị H và anh T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, cháu N đã sinh sống ổn định cùng chị H và ông M, quan điểm của cháu N cũng muốn tiếp tục được ở cùng mẹ; cháu H1 đã sinh sống ổn định cùng anh T và bà P, cháu H1 có nguyện vọng muốn được ở cùng bố. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu N cho chị Trần Thị H nuôi dưỡng, giao cháu H1 cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp. Do hiện nay chị H đang ở nước ngoài nên đã ủy quyền cho ông Trần Văn M nuôi dưỡng cháu N, anh T ủy quyền cho bà P nuôi dưỡng cháu H1 cho đến khi anh chị về Việt Nam; ông M, bà P nhất trí nhận ủy quyền nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Chị H và anh T cùng nuôi con nên hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H ly hôn anh Trần Văn T.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Trần Thị H được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Thị Kiều N, sinh ngày 11/12/2006; giao cho anh Trần Văn T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Quốc H1, sinh ngày 18/3/2009 kể từ tháng 02/2024 cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Tạm giao

cháu N cho ông Trần Văn M chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm giao cháu H1 cho bà Trần Thị P chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị H và anh T không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) do chị Vũ Thị C nộp thay, theo biên lai thu tiền số AA/2023/0001280 ngày 24 tháng 10 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Anh Trần Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chất